

Số: /2026/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn thành phố Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí, lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC về việc hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu biên giới đất liền, cửa khẩu cảng biển, lối mở biên giới, lối thông quan, đường chuyên dụng vận chuyển hàng hoá thuộc cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính, cửa khẩu song phương (sau đây gọi tắt là khu vực cửa khẩu) trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu.

2. Đơn vị thu phí: Cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý cửa khẩu trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu.

STT	Đối tượng chịu phí	Đơn vị tính	Mức thu
1	Phương tiện ra vào khu vực cửa khẩu		
-	Phương tiện dưới 16 chỗ ngồi	đồng/lượt phương tiện	40.000
-	Phương tiện từ 16 chỗ ngồi trở lên	đồng/lượt phương tiện	100.000
-	Phương tiện thủy có trọng tải dưới 50 tấn	đồng/lượt phương tiện	100.000
-	Phương tiện thủy có trọng tải từ 50 tấn trở lên	đồng/lượt phương tiện	200.000
-	Phương tiện khác (chở khách, chở hàng hóa) chỉ hoạt động trong khu vực cửa khẩu, điểm thông quan, lối mở	đồng/lượt phương tiện	0
-	Phương tiện có trọng tải dưới 10 tấn	đồng/lượt phương tiện	0
-	Phương tiện có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, hoặc container 20'	đồng/lượt phương tiện	0
-	Phương tiện có trọng tải từ 20 tấn trở lên, container 40'	đồng/lượt phương tiện	0
2	Phương tiện chở các loại hàng hoá: tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, hàng quá cảnh, hàng qua kho ngoại quan; nhập khẩu nguyên liệu động vật đông lạnh để gia công sản xuất xuất khẩu, nguyên liệu sản xuất thuốc lá; sản phẩm gia công, sản xuất xuất khẩu đông lạnh		
-	Phương tiện có trọng tải dưới 10 tấn	đồng/lượt phương tiện	1.500.000
-	Phương tiện có trọng tải từ 10 đến dưới 20 tấn và Container 20'	đồng/lượt phương tiện	2.000.000
-	Phương tiện có trọng tải từ 20 tấn trở lên và Container 40'	đồng/lượt phương tiện	4.000.000
-	Đối với các loại phương tiện khác	đồng/tấn (m3)	150.000
3	Hàng rượu, thuốc lá điều tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, kho ngoại quan		
-	Hàng rượu, thuốc lá điều	đồng/kiện	8.000

Điều 4. Quản lý và sử dụng phí

1. Tỷ lệ để lại cho cơ quan thu phí: 40% trên tổng số thu phí năm.

2. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí được quản lý, sử dụng theo quy định tại Luật phí và lệ phí, Nghị định số 362/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí; các Thông tư hướng dẫn và các quy định có liên quan.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030. Riêng quy định tại khoản 1 Điều 3 về đối tượng chịu phí áp dụng mức thu 0 đồng/lượt phương tiện và quy định tại khoản 1 Điều 4 Tỷ lệ để lại cho cơ quan thu phí có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2028.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn thành phố Quảng Ninh và Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn thành phố Quảng Ninh

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh khóa XV, kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND, UBND Thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố khóa XV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Thành ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố ;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố, UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Thành phố;
- Công báo Thành phố; Cổng TTĐT Thành phố;
- Lưu: VT, HĐ8.

CHỦ TỊCH

Trịnh Thị Minh Thanh